

## **Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam: Căn Nguyên Đổ Vỡ** (*Đọc chương 10 tập 2 tác phẩm “The Viet-Nam Upheaval” của GS Vũ Quý Kỳ*) Bài 3.- Những ‘Sát Thủ’ Đệ Nhất CHVN bên cạnh TT Kennedy

Từ sự hiểu lầm (hay cố tình hiểu lầm) bản chất cuộc chiến do Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam chủ trương cho đến sau Hiệp Định Genève trung lập Lào, nhờ “hành lang Harriman” hàng trăm ngàn bộ đội và cả trăm ngàn tấn chiến cụ xâm nhập, phá nát các thôn làng phía nam vĩ tuyến 17, đều có bóng dáng những hung thần “sát thủ” này.

Trong bài 2, người viết đã có dịp nói tới một quan chức mang tên Averell Harriman, nhân vật nham hiểm, mưu mô và đầy tham vọng và là chính khách đàn anh của mấy khuôn mặt khét tiếng khác vây quanh TT Kennedy. Đó là Roger John Kenneth Galbraith, Roger Hilsman, Michael Forrestal và William Trueheart.

Averell Harriman là ai?

Trả lời câu hỏi này, tác giả “The Vietnam Upheaval” cho biết: Đó là con trai của một đại gia ngành hỏa xa có quyền lực và danh tiếng. Nhờ thế lực và ảnh hưởng rộng lớn của cha, Harriman con đã lừng lững bước vào chính trường và xã hội thượng lưu Hoa Kỳ khá sớm trước khi trở thành cánh tay mặt của Kennedy.



Averell Harriman (H. trên Google)

Đương sự từng đảm nhiệm hết chức vụ quan trọng này đến vị trí quan trọng khác, bao gồm Bộ trưởng Thương mại Hoa Kỳ và đại sứ tại Liên Xô.

Là một chính khách lão luyện, biết đón bắt thời cơ, Harriman đã “đầu tư” 30.000 Mỹ Kim vào quỹ tranh cử của ứng viên Dân Chủ Kennedy, một số tiền được coi là lớn vào thời ấy. Đây có thể là một trong cái giá để cuối năm 1961, Tổng thống Kennedy đã bổ nhiệm ông ta làm **trợ lý ngoại trưởng phụ trách các vấn đề Viễn Đông**.

Trong tác phẩm “The Lost Mandate Of Heaven”, TS Geoffrey Shaw cho biết, vào dịp ấy, ông Kennedy đã mô tả Harryman là một người đàn ông đã đảm nhiệm 'nhiều công việc quan trọng như bất kỳ người Mỹ nào trong lịch sử của chúng ta, ngoại trừ John Quincy Adams. Vẫn theo học giả Shaw, kể từ đấy, Averell Harriman trở thành một nhân vật ảnh hưởng nhất không chỉ với Bạch Ốc mà còn cả trong bộ Ngoại Giao.

Vẫn theo Dr. Shaw, là một khuôn mặt rất nhạy bén trong việc sử dụng quyền lực, Harriman đã đánh hơi thấy một cơ hội vàng trong việc đại diện cho Mỹ tại Hội nghị Genève dẫn đến việc trung lập hóa Lào vào năm 1962.

Dr Shaw nhận định, **ông ta coi việc giải quyết vấn đề Lào là tấm vé mở cửa cho ông len lách vào mọi hành lang quyền lực của Mỹ**.

Theo tường thuật của tác giả “Vietnam Upheaval” ở chương 10 tập 2, trong Đệ Nhị Thế chiến, Harriman tình cờ có được những ngày đầu làm việc với Liên Xô. Không lâu sau ông trở thành nhân vật đáng tin cậy về các vấn đề của xứ sở này trong việc hoàn tất Hiệp định Genève 1962. Trên thực tế, sự trung lập của Lào là một thảm họa đối với Đông Nam Á.

Dư luận thời ấy, nhất là giới lãnh đạo các quốc gia trong vùng –trong đó có nam Việt Nam- nghĩ rằng Harriman không thể không nhận ra. Nhưng khi điều này trở nên rõ ràng thì ông lại cho rằng thảm họa của hiệp định Lào không phải do những sai sót cố hữu của nó do chính ông là kiến trúc sư, mà do sự “bất cần” của các lãnh tụ Pathet Lào và CS miền Bắc.

Các thành viên khác trong Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, bao gồm cả Ngoại trưởng Dean Rusk, hoàn toàn không đồng ý với Harriman trong cách đối phó quá mềm yếu với Liên Xô quanh hội nghị Genève về vấn đề Lào. **Chính thái độ lập lờ của Harriman đã cho phép không có biện pháp giám sát chống lại sự xâm nhập của quân đội và vật liệu chiến tranh của Bắc Việt Nam qua Hạ Lào**, và dọc theo cái gọi là “đường mòn Hồ Chí Minh”. Và đây cũng là lý do khiến **một số nhà văn đặt tên cho “Đường Mòn HCM” là “Xa lộ Tưởng niệm Averell Harriman”**. Đại sứ Federic Nolting tỏ ra tán thành cách gọi tên này.

Dựa vào những chứng liệu khả tín trong tầm tay, tác giả họ Vũ ghi nhận, chính đại sứ **Nolting là người đối đầu với Harriman trong cuộc đàm phán Genève năm 1962 và xác quyết rằng nếu không có sự giám sát đối với những vi phạm của Hà Nội, an ninh của miền Nam Việt Nam sẽ gặp rủi ro lớn. Trong khi Harriman hoàn toàn bỏ qua khả năng này.**

Qua nội dung cuộc phỏng vấn của O’Brien, Học giả Geoffrey Shaw cho hay, trả lời người phỏng vấn, ông Nolting nói: Tổng thống Diệm và chính phủ của ông ấy tỏ ra rất phân vân về việc liệu họ có nên ký thỏa thuận hay không. Đại sứ Nolting cũng đồng ý với quan điểm đó vì thấy rằng nếu không có các biện pháp giám sát, hiệp ước sẽ bị vi phạm. Trên thực tế, đường mòn Hồ Chí Minh đã mở ra hoàn toàn cho Bắc Việt Nam xâm nhập vào miền Nam Việt Nam. Và điều này gây ra rất nhiều khó khăn để duy trì, thực hiện, chính sách của chính quyền Kennedy, đối với miền Nam Việt Nam - đó là ủng hộ nền độc lập của họ. Vì vậy, vào thời điểm đó, những khó khăn đã bắt đầu phát triển giữa sứ mệnh của người đại diện Hoa Kỳ và Averell Harriman.

Bên cạnh Averell Harriman, có lẽ người có ảnh hưởng lớn thứ hai trong việc hướng dẫn chính sách của Mỹ về miền Nam Việt Nam của Kennedy là John Kenneth Galbraith, người cũng tỏ ra không ưa Tổng Thống Diệm khi ấy.



John Kenneth Galbraith (H trên Google)

Xuất thân trong một gia đình nông dân ở Canada, Galbraith sinh năm 1908 và học trung học ở Canada trước khi hoàn thành chương trình đại học về kinh tế nông nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Ontario. Sau đó lấy bằng tiến sĩ tại Đại học Berkeley, California trong

cùng lãnh vực năm 1934. Galbraith đã dành nhiều năm giảng dạy kinh tế tại Harvard, nơi ông viết cuốn “The Affluent Society” một cuốn sách được coi là có ảnh hưởng tới sự nghiệp chính trị của ông sau này. Ông là người có công trong việc thành lập Tổ chức Hành động Dân chủ của Mỹ vào năm 1947 và tham gia chính trị với tư cách là một học giả có ảnh hưởng. Ngay từ năm 1957, Galbraith đã tỏ ra tán thành việc Kennedy là ứng cử viên TT tiềm năng của đảng Dân Chủ.

Điều này, cuối cùng đã đưa ông đến vị trí đại sứ tại Ấn Độ trong chính quyền Kennedy. Năm 1961, Galbraith có chuyến thăm miền Nam Việt Nam và sử dụng nơi này như một diễn đàn để nói lên quan điểm của mình về cuộc xung đột ở Việt Nam. **Trong khi đại sứ Nolting coi Tổng thống Diệm là “người tốt nhất có thể cho Việt Nam”** dù ông không phủ nhận những thiếu sót của ông Diệm thì **Galbraith có quan điểm ngược lại**. Ông ta hoàn toàn bất đồng với Nolting và cho rằng tuyên bố của Nolting “không có sự thay thế ông Diệm là vô nghĩa”.

Từ đó trở đi, Galbraith dứt khoát đi theo đường lối của Harriman là phải loại bỏ Tổng thống Diệm dù với bất cứ giá nào!

Vì đã thấy rõ lập trường ủng hộ TT Diệm và chính quyền hiện hữu do ông Diệm lãnh đạo nên **đề xuất đầu tiên của Galbraith là phải loại bỏ Nolting trong vai trò đại sứ tại Sài Gòn. Với ông ta, người thay thế Nolting phải là một nhân vật phù hợp với quan điểm, lập trường của Harriman mà ông coi là chính khách hàng đầu trong đảng Dân Chủ khi ấy. Galbraith không giấu giếm, công khai tuyên bố là cần tìm một người có thể nắm toàn quyền tòa Đại Sứ ở Sài Gòn, quân đội Mỹ đang tham chiến ở VN, và cả ông Diệm (!)**. Theo ông, một người như thế sẽ kiên định chủ trương, đường lối một lần dứt khoát và mãi mãi về cải cách chính phủ.

Nhân vật thứ ba trong liên minh sấm vai hung thần đối với chính quyền của Tổng Thống Diệm là Roger Hilsman thời gian đương sự là phó trợ lý thư ký phụ trách các vấn đề viễn đông của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.



Roger Hillsman – (Hình trên Google)

Trong khi Harriman và Galbraith đại diện cho những trụ cột chính trong việc phác thảo kế hoạch “ưu tiên cải cách chính trị” cho miền nam Việt Nam, thì có những người khác đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch. Vào gần cuối năm 1962, Roger Hilsman, lúc đó là phó trợ lý thư ký phụ trách các vấn đề viễn đông của Bộ Ngoại giao, và Michael Forrestal đang ở miền Nam Việt Nam trong một chuyến đi tìm hiểu thực tế và đã được gặp Rufus Phillips.

Trong cuốn “Why Vietnam Matters” Rufus Phillips đã bày tỏ ấn tượng của mình sau cuộc hội diện lần đầu với Roger Hilsman, một người tự cho mình là người “có thẩm quyền” về chiến tranh chống nổi dậy. Theo nhận định của Phillips, phong cách Hilsman toát ra một dáng vẻ tự tin dựa trên kinh nghiệm ít ỏi của ông ta với quân du kích ở Miền Điện trong Thế chiến II và khi ông có dịp đọc để biết qua về trải nghiệm của người Anh ở Malaya.

Rufus Phillips đưa Hilsman đến tỉnh Kiến Hòa (Đồng bằng sông Cửu Long) và Tây Nguyên để gặp Đại tá Trần Ngọc Châu, **cho anh ta thấy Chương trình Ấp Chiến lược có thể thành công như thế nào khi được theo đuổi chính xác.** Hilsman rất ấn tượng với đại tá Châu nhưng thắc mắc tại sao quốc sách này lại có sự chênh lệch về hiệu quả giữa các tỉnh và ông đặt câu hỏi về việc thiếu các biện pháp kiểm soát dân số tương tự như các biện pháp do người Anh thiết lập ở Malaya. Ông cũng lo ngại về các đơn vị dân phòng không thường xuyên (CIDGs) đã được trang bị vũ khí: người Thượng, dân quân Công giáo, “lính tôm và què” của Nguyễn Văn Bửu, lực lượng của Cha Hòa ở Camau, và các đơn vị phòng thủ không thường xuyên được tài trợ bởi ông Ngô Đình Cẩn, bảo đệ TT Diệm ở miền Trung.

Ngay cả sau khi được thông báo về sự khác biệt giữa các khu vực về tôn giáo, dân tộc, chính trị và kinh tế, ông dường như không thể hiểu được thực tế ở miền Nam Việt Nam. Khi có cơ hội đọc báo cáo của Hilsman, Phillips thấy rõ là ông ta không hiểu tại sao người Việt Nam không giống Mỹ. Rufus Phillips viết: “... Đó là lần tiếp xúc mở rộng đầu tiên của tôi với tư duy ‘made in Washington’ của một số nhà hoạch định chính sách của Hoa Kỳ”. **Từ đấy, Phillips khẳng quyết Hilsman không phải là một người biết lắng nghe, trừ khi những gì đang sự nghe phù hợp với quan điểm đã có sẵn của mình.**

Trong Misalliance, Edward Miller chỉ ra Hilsman, một quan chức Bộ Ngoại giao có xuất thân khác thường: tốt nghiệp trường West Point, phục vụ xuất sắc tại Văn phòng Dịch vụ Chiến lược trong Thế chiến thứ hai, làm việc sau chiến tuyến của kẻ thù ở Miền Điện để tổ chức kháng cự quân Nhật. Sau chiến tranh, Hilsman lấy bằng Tiến sĩ. trong quan hệ quốc tế tại Yale và sau đó làm việc với tư cách là chuyên gia đối ngoại tại Cơ quan Tham chiếu Lập pháp ở Washington. Trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 1960, ông đã cung cấp các bản thảo và bài phát biểu cho Kennedy, người bị ấn tượng bởi khả năng trí tuệ của Hilsman cũng như những tuyên bố về chuyên môn của ông ta về chiến tranh du kích. **Năm 1961, Kennedy mời Hilsman đứng đầu Cục Tình báo và Nghiên cứu (INR), văn phòng chính của Bộ Ngoại giao về các dịch vụ tình báo.** Với tư cách là người đứng đầu INR, Hilsman được tiếp cận rất tốt với Kennedy. Ảnh hưởng của ông được nâng cao nhờ tình bạn của ông với W. Averell Harriman, một chính khách lớn tuổi của Đảng Dân chủ ....



Michael Forrester – (H. tr ền Goigle)

**Thông qua Harriman, Hilsman cũng trở nên thân thiết với Michael Forrester, một bảo vệ của Harriman, người đã gia nhập nhóm thân cận Nhà Trắng vào đầu năm 1962 và trở thành một trong những phụ tá gần gũi của Kennedy.**

Trên thực tế, Hilsman và Forrestal tình cờ là hai trong số những tác nhân chính hoạt động tích cực và là công cụ dẫn đến “sự kiện đột ngột mang đầy kịch tính” sau này.

Với những nguồn tin chính xác, tác giả “Vietnam Upheaval” cho hay, ngay từ năm 1961, tại một cuộc họp vào ngày 8 tháng 3, “**Giám đốc nghiên cứu và tình báo của Bộ Ngoại giao, Roger Hilsman, đã đưa ra quan điểm rằng một cuộc đảo chính lật đổ tổng thống Diệm phù hợp với đường lối, chính sách của Mỹ ở Việt Nam.**”... Cũng tại cuộc họp trên, những người chủ trương việc lật đổ ông Diệm do Roger Hilsman dẫn đầu đã không thể thuyết phục được đa số những người khác chấp nhận quan điểm của y.

Miller lưu ý thêm rằng những người trong cuộc ở Washington coi Hilsman là người thô lỗ, kiêu ngạo, cực kỳ tự tin vào phán đoán của chính mình. Quan trọng nhất, Hilsman cho rằng trong thời kỳ chiến tranh, mọi người nên tiến hành đồng thời các hoạt động quân sự và cải cách chính trị, và ông ta tin chắc chắn rằng **các nhà lãnh đạo Rostow và MAAG đã sai khi cho rằng quân nổi dậy thiếu sự ủng hộ của dân chúng.**

Vì tin như thế nên Hilsman và phe nhóm của y mới dễ dàng hiểu lầm (hay cố tình hiểu lầm) bản chất cuộc chiến nổ ra ở miền nam VN ngay sau sự ra đời của cái gọi là Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam (MTDTGPMNVN) năm 1960 mà đại đa số nông dân miền nam đều hiểu là một thứ hình nộm do Hà Nội dựng lên.

Bản tính kiêu căng, quá tự tin đến vô đoán không chỉ thấy ở cá nhân Hilsman mà cũng là đặc tính của nhân vật được y tin nhiệm, tôn trọng như bậc thầy là Averell Harriman, người cầm đầu cả nhóm.

Nói tới khuôn mặt chính trị nhà nghề, biết chụp bắt thời cơ như Harriman, tác giả “Vietnam Upheaval” đã có lần nhắc tới thái độ hãnh tiến, xác xược của ông ta đối với TT Diệm. Điều này cho hiểu sau khi đã mua được cảm tình của TT Kennedy, Harriman không những qua mặt ngoại trưởng Dean Rusk, xếp trực tiếp của y mà còn xem thường cả Phó TT Johnson. Bởi lẽ lúc bấy giờ ai cũng biết ông Johnson kính trọng người cầm đầu chính quyền VNCH ra sao.

**Ở cương vị Phó TT cường quốc HK, không những ông đã từng ca ngợi ông Diệm là “Churchill của Việt Nam”, mà còn “sánh ông với George Washington, Andrew Jackson, Woodrow Wilson và Franklin Roosevelt.”**

Trong bài tới, chúng tôi sẽ cùng quý độc giả đọc tiếp chương 10 tập 2 tác phẩm “Vietnam Upheaval” của GS Vũ Quý Kỳ để nhận diện những khuôn mặt lớn trong chính quyền Kennedy có chung quan điểm với Phó Tổng Thống Johnson.

*Miền nam California, Thứ Hai ngày 23-8-2021*





